

Bản án số: 12/2024/HC-PT
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v khiếu kiện quyết định xử lý
vi phạm hành chính về quản lý
đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh.

Các Thẩm phán:

- Ông Vũ Bảo Nguyên.

- Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Vũ Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận Hòa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3 và ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 2711/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4092/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 150A đường T, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 827/2A đường C, phường D, quận E, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phan Đức L – Công ty Luật TNHH Một thành viên KM thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Địa chỉ: Tầng 5 số 107 cư xá N, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Người khởi kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Tr (Có mặt).

2.2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh – Ông Phạm Văn M (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 49 đường K, ấp 2, xã TH, huyện M, Tp. Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Đan T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: 347/165 đường H, Phường 13, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và Biên bản đối thoại, Ông Nguyễn Đức Th - đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 24/5/2011, Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00405 cho ông Trần Văn H và bà Trương Thị T; Diện tích đất 4.020,5m² thuộc thửa đất số 138 tờ bản đồ số 14, xã Tân Hiệp, huyện M; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận thể hiện Bản đồ hiện trạng vị trí số 258/ĐĐTV/2010 ngày 28/12/2010 của Công ty TNHH Dịch vụ Bất động sản Thảo Việt có 04 hạng mục công trình trên đất: Mái ngói + tường tôn + mái ngói + vách gỗ mái ngói.

Ngày 14/11/2011, Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cập nhật trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00405 nội dung thay đổi: Chuyển nhượng trọn thửa cho ông Trương Đức P.

Ngày 03/12/2018, Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cập nhật trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00405 nội dung thay đổi: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phi L.

Ngày 18/01/2019, Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M kiểm tra, lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Phi L đã có hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 22/01/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Phi L; Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Ngày 19/3/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 82/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc ông Nguyễn Phi L thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 15/5/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 187/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 và Quyết định số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019.

Ngày 04/6/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 223/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính.

Ngày 14/6/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 236/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 15/11/2021, Ủy ban nhân dân xã TH đã ban hành Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ đình chính Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCXP ngày 15/11/2021 đình chính Quyết định cưỡng chế số 236/QĐ-CCXP ngày 14/6/2019. Lý do đình chính: Do thiếu sót mang tính kỹ thuật trong quá trình xác định hiện trạng khu đất vi phạm.

Ông Nguyễn Phi L không đồng ý việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH xác định ông có hành vi vi phạm hành chính theo Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ nên ông khởi kiện yêu cầu hủy tất cả các quyết định nêu trên.

Đồng thời, ông Nguyễn Phi L yêu cầu trả lại số tiền 1.539.000 đồng đã nộp phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 22/01/2019.

Với lý do: Các quyết định trên xác định ông Nguyễn Phi L vi phạm là không đúng vì công trình xây dựng đã có trước khi ông Nguyễn Phi L chuyển nhượng. Cuối năm 2018, do trận mưa lũ nên toàn bộ công trình xây dựng trên đất bị ngập nước dẫn đến hư hỏng nên ông L có tiến hành sửa chữa, coi nói làm thay đổi hiện trạng những căn nhà trên. Vật liệu ông L sử dụng cũng giống vật liệu hiện trạng của căn nhà cũ.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M trình bày:

Thửa đất số 138, diện tích 4.020,5m², TĐĐ số 14, tọa lạc ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp do ông Trần Văn H và bà Trương Thị T khai khẩn sử dụng từ năm 1975. Ngày 24/5/2011, ông H và bà T được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận thửa đất số 138 nói trên, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, trên sơ đồ cấp giấy chứng nhận là đất trống. Phần ghi chú trong giấy chứng nhận: Thửa 138 thành lập từ một phần các thửa đất số 1,2,3; phần chi tiết xem Bản đồ hiện trạng vị trí số 258/ĐĐTV/2010 ngày 28/12/2010 của Công ty TNHH dịch vụ bất động sản Thảo Việt (có 04 hạng mục công trình trên đất: Mái ngói + tường tôn + mái ngói + vách gỗ mái ngói).

Theo hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận thửa 138 thể hiện: Ngày 15/7/2007, ông H cho ông Trương Đức P thuê mặt bằng tại vị trí thửa đất nêu trên, mục đích thuê để dựng nhà gỗ để làm mẫu. Ngày 02/8/2010, ông H có cam

kết về việc không ghi nhận tài sản trên đất đối với 04 hạng mục công trình trên đất diện tích $216,65\text{m}^2$; đề nghị cấp giấy chứng nhận đất nông nghiệp. Ngày 27/12/2010, ông H có tường trình và cam kết việc cho ông P thuê dựng 04 căn nhà gỗ để làm mẫu. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cho ông H, trên đất có 04 căn nhà gỗ kết cấu mái ngói, vách gỗ mái ngói xuống cấp, mục nát. Ông H có cam kết về việc không ghi nhận tài sản trên đất đối với 04 hạng mục công trình diện tích $216,65\text{m}^2$ và đề nghị cấp giấy chứng nhận đất nông nghiệp.

Ngày 04/8/2018, ông H bà T chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông P. Ngày 14/11/2018, ông P chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Phi L.

Ngày 18/01/2019, Ủy ban nhân dân xã TH kiểm tra, lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Phi L đã có hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (viết tắt là Nghị định số 102), hiện trạng xây dựng công trình tường gạch, cột gỗ, mái ngói, diện tích $(6,5\text{m} \times 7\text{m}) + (6,5\text{m} \times 3\text{m}) + (3\text{m} \times 12\text{m}) + (12\text{m} \times 6,6\text{m}) + (8\text{m} \times 6,5\text{m}) = 232,2\text{m}^2$; khung gỗ, kèo gỗ, diện tích $5,6\text{m} \times 10,7\text{m} = 59,92\text{m}^2$; cột cây, mái ngói diện tích: $4\text{m} \times 7\text{m} = 28\text{m}^2$. Tại thời điểm lập biên bản, ông L có mặt thừa nhận hành vi vi phạm và đã ký tên vào biên bản.

Ngày 22/01/2019, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 21 xử phạt ông L đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 102.

Ngày 19/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 82/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc ông L thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Do Biên bản số 04 ghi sai điều luật áp dụng đối với hành vi vi phạm của ông L nên ngày 15/5/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 187/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 21 và Quyết định số 82 nói trên.

Ngày 03/6/2019, công chức địa chính – nông nghiệp – xây dựng – môi trường xã cùng với Ban nhân dân ấp Thới Tây 1 đến thực địa thửa đất số 138 để xác minh, ông Long không có mặt tại thời điểm xác minh. Do đó, Ủy ban nhân dân xã TH đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 03/BB-XM ngày 03/6/2019 (viết tắt là Biên bản số 03). Việc lập Biên bản số 03 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã TH có 02 người chứng kiến được thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định 97/2017/NĐ-CP. Nội dung Biên bản số 03 xác minh lại điều, khoản vi phạm và diện tích vi phạm tại thửa đất số 138. Hành vi vi phạm đất đai của ông L đã được ông L xác nhận tại Biên bản số 04. Điều 59 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 không quy định khi lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc phải mời người vi phạm. Do đó, Ủy ban nhân dân xã TH xác minh tại thực địa thửa đất vi phạm, lập biên bản xác minh tình tiết vi phạm

tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã ghi nhận sự vắng mặt của ông Long, có 02 chứng kiến khi lập biên bản là không vi phạm Điều 59 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Ngày 04/6/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 223/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 14/6/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Quyết định số 236/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 24/6/2019, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Thông báo số 1337/TB-UBND về việc thi hành Quyết định số 236/QĐ-CCXP ngày 14/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã TH về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại thửa đất số 138.

Ngày 03/7/2019, Ủy ban nhân dân xã TH đã tiến hành cưỡng chế một phần khu đất vi phạm, tháo dỡ 2/5 hạng mục công trình cột gỗ, mái ngói có diện tích 10m^2 , khung cột gỗ, kèo gỗ, mái ngói $(5,6\text{m} \times 10,7\text{m}) = 59,92\text{m}^2$; còn lại 3 hạng mục công trình cột gỗ, tường gạch, mái ngói + mái tôn có diện tích $(6,5\text{m} \times 7\text{m}) + (6,5\text{m} \times 3\text{m}) + (3\text{m} \times 12\text{m}) + (12\text{m} \times 6,6\text{m}) + (8\text{m} \times 6,5\text{m}) + (4\text{m} \times 7\text{m}) = 260,2\text{m}^2$ chưa thực hiện cưỡng chế tháo dỡ.

Tại thời điểm lập Biên bản số 04, ông L đã xây dựng công trình tường gạch, cột gỗ, mái ngói. Đối chiếu với Bản đồ hiện trạng của Công ty TV và Bản đồ hiện trạng vị trí số 107638 ngày 29/4/2021 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy vị trí, kết cấu các căn nhà đã thay đổi. Việc ông H dựng 04 nhà gỗ tại thời điểm trước khi cấp giấy chứng nhận đã vi phạm Luật đất đai, ông Nguyễn Phi L xây dựng lại cũng vi phạm Luật Đất đai.

Diện tích công trình xây dựng ghi nhận tại Quyết định số 223/QĐ-KPHQ, Quyết định số 236/QĐ-CCXP chênh lệch so với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án là do thiếu sót mang tính chất kỹ thuật về phương pháp đo, cách xác định hình thể phần diện tích thửa đất vi phạm thực hiện thủ công.

Để khắc phục thiếu sót trên, ngày 29/4/2021, Ủy ban nhân dân xã TH đã trưng cầu Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đo đạc lại phần diện tích vi phạm với sự chứng kiến của ban ngành đoàn thể và nhân dân tại ấp Thới Tây 1.

Trên cơ sở kết quả do trung tâm đo đạc bản đồ cung cấp, ngày 31/5/2021, Ủy ban nhân dân xã đã lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính.

Căn cứ Điều 6a của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 11 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP), Ủy ban nhân dân xã TH đã ban hành Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 đình chính Quyết định số 223/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15/11/2021 đình chính

Quyết định cưỡng chế số 236/QĐ-CCXP buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả để chỉnh chỉnh phần diện tích chênh lệch do thiếu sót mang tính kỹ thuật (tăng khoảng 10m² so với biên bản vi phạm hành chính ban đầu, tăng phần diện tích vi phạm 51,4m² so với thực tế).

Việc ông L tự ý xây dựng nhà tường gạch, cột gỗ, mái ngói, tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp mà chưa có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm Luật đất đai.

Do đó, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH ban hành các quyết định hành chính cá biệt nêu trên là đúng quy định pháp luật. Ông Trần Văn Tr (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH) và ông Phạm Văn M (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH) không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Long về việc hủy các quyết định hành chính cá biệt trên. Đối với số tiền 1.539.000 đồng ông L đã nộp phạt vi phạm hành chính, ông Tr và ông M đồng ý với yêu cầu của ông L được nhận lại số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đan T trình bày:

Ngày 11/12/2020, bà nhận chuyển nhượng của ông L thửa đất số 138 và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 023763 tại Văn phòng công chứng Đ. Bà đã trả tiền đủ cho ông L và đã nhận nhà đất quản lý, sử dụng. Khi nhận chuyển nhượng, bà không biết việc Ủy ban nhân dân xã TH có quyết định cưỡng chế tháo dỡ đối với các tài sản trên đất. Khi bà nộp hồ sơ để làm thủ tục cập nhật biến động sang tên đối với thửa đất trên không sang tên được. Bà là người mua ngay tình nên bà yêu cầu được cập nhật biến động sang tên thửa đất trên theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi L: Ông Nguyễn Phi L được nhận lại số tiền 1.539.000 đồng theo Biên lai thu số 0192488 ngày 25/3/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh M.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi L về việc hủy các quyết định hành chính cá biệt sau:

2.1. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH.

2.2. Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 236/QĐ-CCXP ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH.

2.3. Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH đình chính quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2.4. Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH đình chính quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2.5. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 22/01/2019 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH.

2.6. Quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH.

2.7. Quyết định số 187/QĐ-UB về việc hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-XPVPHC ngày 22/01/2019 và Quyết định số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng: Ông Nguyễn Phi L phải chịu chi phí này (đã nộp đủ).

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông L phải chịu 1.500.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 25021 ngày 06/5/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 4334 ngày 28/6/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 40030 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông L phải nộp tiếp 600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Đức Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phi L trình bày: Ông Nguyễn Phi L rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đòi số tiền 1.539.000 (Một triệu năm trăm ba mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0192488 ngày 25/3/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh M. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy tất cả các quyết định bị kiện.

- Luật sư Phan Đức L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Phi L có bài phát biểu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn Phi L.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phi L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đan T trình bày: Bà nhận chuyển nhượng ngay tình và đã nhận nhà đất quản lý, sử dụng. Bà xin Tòa xem xét đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có bài phát biểu: Đề nghị sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Về thời hiệu kháng cáo: Đơn kháng cáo còn trong thời hiệu theo đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 30, Điều 31 và Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính; Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm xác định quyết định hành chính nêu trên là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện còn thời hiệu và vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M: Là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về tư cách đương sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 38, Điều 54 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M xác định người bị kiện: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông Phạm Văn M): Là không đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại Đơn kháng cáo ngày 08/10/2023 của ông Nguyễn Phi L đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, hủy toàn bộ quyết định bị kiện với lý do bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ và vận dụng pháp luật không đúng.

[2.1] Xét tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Đức Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phi L trình bày: Rút yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đòi số tiền 1.539.000 đồng theo Biên lai thu số 0192488 ngày 25/3/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh M.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết mới. Căn cứ Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ và hủy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi L về đòi trả lại số tiền 1.539.000 đồng theo Biên lai thu số 0192488 ngày 25/3/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh M.

[2.2] Xét Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 và Quyết định số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019:

Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH về việc hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Như vậy, các quyết định bị kiện này không còn phát sinh hiệu lực thi hành, không ảnh hưởng đến người khởi kiện.

Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 và Quyết định số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH: Là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 và Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021:

- Về thẩm quyền:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 38, Điều 54 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ-GQXP ngày 20/6/2018; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M ban hành Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 và Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021: Là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục:

Biên bản xác định tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM ngày 31/5/2021: Chưa thể hiện việc bà Lê Thị Đan T đã nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Phi L và đang là người sử dụng nhà đất.

Căn cứ Điều 59 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có cơ sở xác định: Biên bản xác định tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM ngày 31/5/2021 thiếu xác minh tình trạng quản lý tài sản; chưa thể hiện tình tiết có ý nghĩa đối với việc xem xét quyết định.

- Về thời hạn ban hành quyết định:

Căn cứ Khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định:

“10. Bổ sung Điều 6c vào sau Điều 6b như sau:

Điều 6c. Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính

Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính”.

Như vậy, có cơ sở xác định: Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 vi phạm thời hạn thực hiện việc đính chính quyết định.

- Về nội dung:

Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 đính chính nội dung Khoản 3 Điều 1 và Khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019. Lý do đính chính: Do thiếu sót mang tính kỹ thuật trong quá trình xác định hiện trạng khu đất vi phạm.

Căn cứ Khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định:

“Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

Điều 6a. Sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính”.

Theo Khoản 2 Điều 6a quy định “*Quyết định về xử lý vi phạm hành chính được đính chính khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo mà không làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định*”.

Như vậy, có cơ sở xác định: Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH đính chính Khoản 3 Điều 1 và Khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 là đính chính nội dung của phần quyết định, làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định.

Từ những phân tích trên, Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 và Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH ban hành: Là chưa đúng quy định pháp luật.

[2.4] Xét Quyết định số 236/QĐ-KPHQ ngày 14/6/2019 và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15/11/2021:

- *Về thẩm quyền:*

Căn cứ Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M ban hành Quyết định số 236/QĐ-KPHQ ngày 14/6/2019 và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15/11/2021: Là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung:*

Căn cứ Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Quyết định số 236/QĐ-KPHQ ngày 14/6/2019 và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15/11/2021 được ban hành là nhằm đảm bảo thi hành Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 và Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021.

Tuy nhiên, từ những phân tích trên về Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 và Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15/11/2021 có cơ sở xác định Quyết định số 236/QĐ-KPHQ ngày 04/6/2019 và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M: Là chưa đúng quy định pháp luật.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Phi L. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 và Khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0025021 ngày 06/5/2019; số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004334 ngày 28/6/2019 và số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0040030 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M cho ông Nguyễn Phi L.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0005248 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M cho ông Nguyễn Phi L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 143, Điều 241, Điều 348, Điều 349 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 38, Điều 54, Điều 59, Điều 86, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 32 và Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Phi L. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M.

Hủy Quyết định số 223/QĐ-KPHQ ngày 04 tháng 6 năm 2019 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1446/QĐ-ĐCKPHQ ngày 15 tháng 11 năm 2021 Đính chính quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 236/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 6 năm 2019 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1447/QĐ-ĐCCCXP ngày 15 tháng 11 năm 2021 Đính chính quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M.

2. Bác yêu cầu hủy Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 và Quyết định số 82/QĐ-CCXP ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M.

3. Đình chỉ và hủy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi L đòi trả lại số tiền 1.539.000 đồng theo Biên lai thu số 0192488 ngày 25/3/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh M.

4. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện M chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0025021 ngày 06/5/2019; số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004334 ngày 28/6/2019 và số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0040030 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M cho ông Nguyễn Phi L.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0005248 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M cho ông Nguyễn Phi L.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện M;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thụy Xuân Vinh